

Bản án số: 640/2025/DS-PT

Ngày: 30 – 9 – 2025

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hải.

Bà Võ Bích Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc – Thư ký viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 221/2025/TLPT-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 127/2025/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang cũ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 572/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1931 (có mặt).

2. Bà Tô Bích N, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu vực B, Phường M, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (nay là phường V, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tô Bích N: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1931; địa chỉ: Khu vực B, Phường M, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (nay là phường V, thành phố Cần Thơ). (Văn bản ủy quyền lập ngày 12/12/2024), (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Phạm Ngọc A, sinh năm 1938; địa chỉ: Khu vực B, Phường M, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (nay là phường V, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).
- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Minh T, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 26/6/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T và bà Tô Bích N thống nhất trình bày:

Năm 2022, ông Nguyễn Minh T đi làm xa nên có nhờ cô ba A (tên Phạm Ngọc A) cùng bà Tô Bích N đi nhận tiền lương hưu của bà N. Vì bà N không biết chữ và không tự chăm sóc nên nhờ bà A đóng tiền điện, tiền nước, tiền lãi Ngân hàng chính sách và số tiền còn lại chi tiêu hàng ngày cho bà N trong thời gian ông T cùng đưa con đi làm ăn xa. Nhưng thực tế, số tiền mà bà A đã lãnh có đóng các khoản cho Nhà nước thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 10/2023, còn dư lại số tiền là 36.168.014 đồng, bà A đang chiếm dụng của vợ chồng ông. Ông T và bà N khởi kiện yêu cầu bà A có trách nhiệm trả lại số tiền 36.168.014 đồng (*ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn không trăm mười bốn đồng*).

- Quá trình giải quyết giải quyết và tại phiên tòa, ông Nguyễn Minh T và là người đại diện theo ủy quyền cho bà Tô Bích N trình bày:

Ông và bà N chung sống có một đứa con chung. Vào tháng 03/2022, ông và con trai đi Phú Quốc làm ăn nên có nhờ bà Phạm Ngọc A cùng bà Tô Bích N đi lãnh lương hưu, mục đích nhờ bà A đóng dùm các khoản gồm: Tiền điện, tiền nước, tiền lãi ngân hàng chính sách vay cho đứa con trai; phần tiền còn lại sẽ chi tiêu ăn uống hàng ngày cho bà N do bà N không biết chữ, không biết cơm nước trong gia đình. Đến tháng 10/2023, ông T trở về nhà, ông phát hiện bà A quản lý tiền bà N, không chi tiêu cho bà N ăn uống dẫn đến sức khỏe kém. Ông T và bà N khởi kiện yêu cầu bà A trả lại số tiền 36.168.014 đồng (*Ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn không trăm mười bốn đồng*), chi tiết hàng tháng như sau:

+ Tháng 01/2023 lãnh được số tiền 3.684.000 đồng, tiền điện 113.271 đồng, tiền nước 24.642 đồng, lãi Ngân hàng chính sách 138.269 đồng, còn lại 3.408.108 đồng.

+ Tháng 02/2023 lãnh được số tiền 3.684.000 đồng, tiền điện 136.106 đồng, tiền nước 44.275 đồng; lãi Ngân hàng chính sách 138.269 đồng, còn lại 3.365.568 đồng.

+ Tháng 3/2023 lãnh được số tiền 3.684.000 đồng, tiền điện 120.901 đồng, tiền nước 35.420 đồng, lãi Ngân hàng chính sách 138.269 đồng, còn lại 3.389.601 đồng.

+ Tháng 4/2023 lãnh được số tiền 3.684.000 đồng, tiền điện 151.419 đồng,

tiền nước 35.420 đồng, lãi Ngân hàng chính sách 138.269 đồng, còn lại 3.359.092 đồng.

+ Tháng 5/2023 lãnh được số tiền 3.684.000 đồng, tiền điện 157.078 đồng, tiền nước 88.550 đồng, lãi Ngân hàng chính sách 138.269 đồng, còn lại 3.300.303 đồng.

+ Tháng 6/2023 lãnh được số tiền 3.684.200 đồng, tiền điện không có thông tin, tiền nước 142.600 đồng, lãi Ngân hàng chính sách 138.269 đồng, còn lại 3.403.331 đồng.

+ Tháng 7/2023 lãnh được số tiền 3.684.200 đồng, tiền điện không có thông tin, tiền nước 17.710 đồng, lãi Ngân hàng chính sách 138.269 đồng, còn lại 3.528.521 đồng.

+ Tháng 8/2023 lãnh được số tiền 4.605.400 đồng, tiền điện 161.836 đồng, tiền nước 17.710 đồng, lãi Ngân hàng chính sách 138.269 đồng, còn lại 4.287.585 đồng.

+ Tháng 9/2023 lãnh được số tiền 4.144.800 đồng, tiền điện 183.969 đồng, tiền nước 26.565 đồng, lãi Ngân hàng chính sách 138.269 đồng, còn lại 3.795.997 đồng.

+ Tháng 10/2023 lãnh được số tiền 4.144.800 đồng, tiền điện 198.741 đồng, tiền nước 26.565 đồng, lãi Ngân hàng chính sách 138.269 đồng, còn lại 3.781.220 đồng.

Kể từ tháng 01/2023 đến tháng 10/2023, bà A có thực hiện đóng tiền điện, tiền nước, tiền lãi Ngân hàng chính sách như trên, số tiền còn lại bà A giữ không có chi tiêu khoản nào cho bà N nên yêu cầu bà A trả lại cho ông T và bà N.

- *Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Ngọc A và tại phiên tòa trình bày:*

Do chỗ thân thiết hàng xóm, trước khi ông Nguyễn Minh T đi làm ăn xa, có nhờ bà ở nhà chăm sóc cho vợ ông T là bà Tô Bích N mắc bệnh trầm cảm, khi đi ông T gửi cho bà A một cuốn sổ lương hưu của bà N để có tiền lo cho bà N hàng ngày. Trong thời gian chăm lo bà N, chi phí hàng ngày cho bà N gồm: Ăn sáng 30.000 đồng/ngày, cà phê 10.000 đồng/ngày, thịt, cá, rau cải 50.000 đồng/ngày, thuốc uống 10.000 đồng/ngày, gia vị (đường, bột ngọt,...) 100.000 đồng/ngày, nhang thắp cho ông bà 40.000 đồng/ngày, dầu gió 14.000 đồng/ngày, gạo (15kg x 19.000 đồng) 285.000 đồng/tháng. Hàng tháng chi trả cho bà N khoản số tiền 3.441.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn đồng*). Ngoài ra, còn tiền phát sinh mua vật dụng trong nhà như: Chiếu ngủ 100.000 đồng, đám giỗ 200.000 đồng, đám cưới 200.000 đồng, đổi bình gas 420.000 đồng, sửa nồi cơm điện 120.000 đồng, mua nồi cơm điện mới 600.000 đồng, mua 02 cây chổi quét 60.000 đồng, mua 01 cây dao 30.000 đồng, mua 01 nón lá 60.000 đồng. Ông T cho rằng kể từ tháng 01/2023 đến tháng 10/2023 bà không lo cho bà N ăn uống là không đúng. Bà A không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T và bà N, bà A cho rằng hàng

tháng số tiền lương hưu sau khi đóng tiền điện, tiền nước, lãi Ngân hàng chính sách, số tiền còn lại đã chi tiêu hết cho bà N, bà không còn giữ khoản nào.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T và là người đại diện theo ủy quyền cho bà Tô Bích N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà A trả lại số tiền 36.168.014 đồng (*ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn không trăm mười bốn đồng*). Bị đơn bà Phạm Ngọc A không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2025/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang cũ đã quyết định: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T và bà Tô Bích N về việc yêu cầu bị đơn bà Phạm Ngọc A trả lại số tiền 36.168.014 đồng (*Ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn không trăm mười bốn đồng*).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 06/6/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo và được Tòa án cấp sơ thẩm nhận cùng ngày. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2025/DS-ST ngày 23/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang cũ theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông. Buộc bà A trả cho ông và bà N số tiền 36.168.014 đồng.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm:*

+ Nguyên đơn ông T không rút đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng: Khi ông đi làm ở Phú Quốc, do vợ ông bị bệnh và không biết chữ nên không tự đi lãnh tiền lương hưu được, nên ông nhờ bà A đi cùng bà N lãnh tiền lương hưu, đóng tiền điện, tiền nước và tiền lại Ngân hàng chính sách, số tiền còn lại thì trả cho bà N, nhưng bà A không trả, ông không có nhờ bà A lo chi phí ăn uống hằng ngày cho bà N. Do đó, ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

+ Các đương sự không có thỏa thuận nào liên quan đến việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, về quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn ông T là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) - viết tắt là Bộ luật TTDS, nên kháng cáo hợp lệ được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn bà Tô Bích N vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; bị đơn bà Phạm Ngọc A vắng mặt không rõ lý do; việc vắng mặt của những người vừa nêu không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật TTDS, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của ông T về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 127/2025/DS-ST ngày 23/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang cũ theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông. Buộc bà A trả cho ông và bà N số tiền 36.168.014 đồng. Xét thấy, theo chứng từ nguyên đơn ông T cung cấp gồm Bảng tổng hợp lương hưu hằng tháng của bà N, từ tháng 01/2023 đến tháng 10/2023, tiền lương lãnh tổng cộng là 38.684.000 đồng và chứng từ chi trả tiền điện là 1.223.321 đồng, chi trả tiền nước là 459.457 đồng, chi trả lãi Ngân hàng chính sách xã hội là 1.382.960 đồng. Quá trình tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn xác định các khoản tiền chi trả tiền điện, tiền nước, tiền lãi Ngân hàng là đúng và các đương sự không có tranh chấp. Sau khi trừ các khoản, số tiền bà A giữ còn lại là 35.618.262 đồng, ông T và bà N cho rằng bà A không chi tiêu cho bà N ăn uống hằng ngày dẫn đến sức khỏe kém nên đòi lại. Theo đơn khởi kiện ông T cho rằng: Vào tháng 03/2022, ông và con trai đi Phú Quốc làm ăn nên có nhờ bà A cùng bà N đi lãnh lương hưu, mục đích nhờ bà A đóng dùm các khoản gồm: Tiền điện, tiền nước, tiền lãi Ngân hàng chính sách vay cho đứa con trai; phần tiền còn lại sẽ chi tiêu ăn uống hằng ngày cho bà N, do bà N không biết chữ, không biết cơm nước trong gia đình. Còn bà A thì cho rằng: Hằng tháng số tiền lương hưu sau khi đóng tiền điện, tiền nước, lãi Ngân hàng chính sách, số tiền còn lại đã chi tiêu hết cho bà N, bà không còn giữ khoản nào. Qua lời trình bày của các bên đương sự, nhất là tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai ông T cho thấy tại thời điểm ông T và con trai đi Phú Quốc làm ăn thì vợ ông T là bà N không tự lo ăn uống hằng ngày cho bản thân nên ông T nhờ đến bà A chăm lo cho bà N từ khoản tiền lương hưu còn lại của bà N và bà A đã thực hiện lo ăn uống cho bà N khoảng thời gian ông T đi làm ăn là có thật, việc này được chính quyền địa phương và những người hàng xóm lân cận xác định là đúng - theo Biên bản xác minh ngày 11/12/2024 của Tổ trưởng tổ hòa giải Khu vực B, Phường M, thành phố V, tỉnh Hậu Giang (BL số 60). Do ông T không thỏa thuận cụ thể với bà A dùng số tiền còn lại chi ăn uống, mua đồ dùng trong gia đình khi cần thiết là bao nhiêu mà

thỏa thuận số tiền còn lại chỉ dùng sinh hoạt hằng ngày nên bà A đã sử dụng chi dùng hết là không phải lỗi của bà A, do không thỏa thuận cụ thể nên không có căn cứ xác định bà A chi hằng tháng số tiền là bao nhiêu, số tiền còn lại là bao nhiêu. Mặt khác, khi ông T và con trai vắng mặt tại địa phương từ tháng 03/2022 cho đến đầu tháng 10/2023 thì ông không có liên lạc cho bà N, gia đình bà N cũng không tới lui chăm sóc bà N. Thời gian này được chính quyền địa phương và hàng xóm lân cận xác nhận bà A là người chi trả các khoản phát sinh tới thời điểm tháng 10/2023 khi ông T trở về và là người tới lui lo lắng cơm nước hằng ngày cho bà N như thỏa thuận với ông T. Từ đó cho thấy, bà A đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi được nhờ. Ông T và bà N khởi kiện cho rằng bà A giữ số tiền còn lại không chi ăn uống cho bà N thời gian từ tháng 01/2023 đến tháng 10/2023 là không có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp.

[4] Từ những nhận định tại mục [3] nêu trên thấy rằng kháng cáo của nguyên đơn ông T là không có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật TTDS, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông T không được chấp nhận, nên ông T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật TTDS và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, ông T sinh năm 1931 là người cao tuổi, nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T và áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 127/2025/DS-ST ngày 23 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ). Án tuyên như sau:

2.1. *Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T và bà Tô Bích N về việc yêu cầu bị đơn bà Phạm Ngọc A trả lại số tiền 36.168.014 đồng (Ba mươi sáu triệu một trăm sáu mươi tám nghìn không trăm mười bốn đồng).*

2.2. *Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T và bà Tô Bích N được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.*

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Minh T được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 11 - Cần Thơ;
- THADS khu vực 11 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn